

## THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO NGHỀ GẮN VỚI GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO HỌC SINH, SINH VIÊN KHỐI GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG QUẢNG NAM

*Vũ Thị Phương Anh<sup>1</sup>, Phạm Hải Anh<sup>1</sup>, Phan Đình Hùng<sup>1</sup>, Phan Vu Phương Mai<sup>2</sup>*

### TÓM TẮT

*Nghiên cứu tập trung làm rõ thực trạng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên tại Trường Cao đẳng Quảng Nam – một cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiêu biểu của khu vực miền Trung. Thông qua khảo sát và phân tích số liệu thực tế, nghiên cứu chỉ ra những hạn chế trong việc liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, sự chậm cập nhật chương trình đào tạo theo nhu cầu thị trường lao động, và việc khai thác chưa hiệu quả các nền tảng số trong kết nối cung-cầu lao động. Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm như: tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, đổi mới nội dung chương trình đào tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý và kết nối việc làm, đồng thời phát triển kỹ năng nghề và kỹ năng mềm cho người học. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc hoạch định chính sách và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội địa phương.*

**Từ khoá:** Đào tạo nghề; việc làm; đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; học sinh, sinh viên, khối giáo dục nghề nghiệp.

### 1. Mở đầu

Trong bối cảnh chuyển dịch cơ cấu lao động và nhu cầu nhân lực chất lượng ngày càng tăng, giáo dục nghề nghiệp đóng vai trò then chốt trong việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội. Tuy nhiên, thực tế cho thấy mối liên kết giữa đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên (HSSV) vẫn còn nhiều bất cập, nhất là tại các địa phương khu vực miền Trung – nơi còn hạn chế về điều kiện phát triển công nghiệp và dịch vụ. Việc đào tạo chưa thật sự gắn kết với nhu cầu thị trường lao động, công tác định hướng nghề nghiệp và kết nối việc làm sau tốt nghiệp vẫn còn lúng túng, dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp hoặc làm trái ngành nghề của HSSV sau khi tốt nghiệp vẫn ở mức cao.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, nghiên cứu này tập trung làm rõ thực trạng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho HSSV tại Khối Giáo dục nghề nghiệp – Trường hợp nghiên cứu tại Trường Cao đẳng Quảng Nam – một cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiêu biểu của khu vực. Trên cơ sở khảo sát và phân tích các yếu tố ảnh hưởng, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo gắn với giải quyết việc làm, góp phần phát triển giáo dục nghề nghiệp theo hướng linh hoạt, mở và phù hợp với nhu cầu thị trường lao động địa phương và khu vực.

## 2. Cơ sở nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý luận nghiên cứu

Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm là một trong những định hướng chiến lược nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số hiện nay. Theo lý thuyết về phát triển nguồn nhân lực, mối quan hệ giữa giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động mang tính tương hỗ, trong đó hệ thống đào tạo có nhiệm vụ cung cấp lực lượng lao động có kỹ năng phù hợp, còn thị trường lao động đóng vai trò định hướng và phản hồi cho quá trình đào tạo. Khái niệm “đào tạo gắn với việc làm” nhấn mạnh việc thiết kế chương trình đào tạo dựa trên nhu cầu thực tiễn, tăng cường hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, bảo đảm SV có cơ hội thực hành, thực tập và dễ dàng chuyển tiếp vào môi trường lao động sau khi tốt nghiệp.

Bên cạnh đó, lý thuyết về đào tạo theo năng lực (Competency-Based Training-CBT) cũng là nền tảng quan trọng trong nghiên cứu này, đề cao việc xây dựng chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, tập trung phát triển năng lực thực tiễn cho người học. Ngoài ra, các chính sách và định hướng phát triển giáo dục nghề nghiệp của Nhà nước, như Luật Giáo dục nghề nghiệp (2014), Chiến lược phát triển nhân lực quốc gia, cũng là cơ sở pháp lý và lý luận để phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp cho vấn đề nghiên cứu. Trên cơ sở đó, việc nghiên cứu tại Trường Cao đẳng Quảng Nam không chỉ phản ánh đặc điểm cụ thể của một cơ sở giáo dục nghề nghiệp trọng điểm mà còn góp phần khái quát bức tranh chung về hiệu quả đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm trong toàn khối giáo dục nghề nghiệp hiện nay.

Theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về “*Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*” cũng đã đề ra mục tiêu củng cố lại các trung tâm đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh; phát triển trở thành một trong những trung tâm đào tạo nghề tiếp cận chuẩn ASEAN-4 [2]. Trong Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh Quảng Nam về “*Phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025*”. Tỉnh đã quyết nghị 3 mục tiêu tổng quát: a) Phát triển giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động (trong, ngoài nước) của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Nam và đất nước. b) Việc phát triển giáo dục nghề nghiệp được thực hiện đồng bộ từ cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đến các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực; từng bước bảo đảm quy mô, cơ cấu ngành, nghề đào tạo cho phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh; chất lượng đào tạo của một số trường thuộc tỉnh tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và cấp quốc gia [3].

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu về thực trạng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm HSSV tại Trường Cao đẳng Quảng Nam, nhóm tác giả đã áp dụng các phương pháp nghiên cứu

sau: Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu thứ cấp; phương pháp điều tra khảo sát; phương pháp phân tích SWOT; phương pháp chuyên gia; phương pháp tổng hợp...

### 3. Thực trạng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho HSSV Trường Cao đẳng Quảng Nam

#### 3.1. Thực trạng đào tạo nghề và nhu cầu việc làm tại tỉnh Quảng Nam hiện nay

##### 3.1.1. Thực trạng đào tạo nghề

Tỉnh Quảng Nam hiện có 28 cơ sở giáo dục nghề nghiệp với quy mô tuyển sinh hằng năm hơn 40.000 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2023 đạt 72,2%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ chiếm 34,67%, vượt kế hoạch đề ra. Đồng thời, cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực với tỉ trọng lao động trong các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng mạnh, hiện chiếm gần 66%. Tuy nhiên, nhu cầu doanh nghiệp đối với lao động qua đào tạo vẫn vượt xa khả năng đáp ứng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt ở các ngành công nghệ cao [4].

Năm 2023 tổng chỉ tiêu tuyển mới các trình độ GDNN là 24.045/24.000 người, đạt 100,19% kế hoạch năm (trong đó: trình độ cao đẳng, trung cấp: 3.223 người, trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng: 20.822 người). Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2023 đạt 72,2% (đạt 101,69% kế hoạch năm), trong đó có bằng chứng chỉ là 34,67% (đạt 111,84% so với kế hoạch năm 2023). Trong năm 2023, có 955 thanh niên xuất ngũ đăng ký tham gia học nghề, đã giải quyết chế độ cho 726 thanh niên hoàn thành chương trình đào tạo [5].

##### 3.1.2. Nhu cầu về việc làm hiện nay của tỉnh

**Bảng 1. Nhu cầu về việc làm của tỉnh năm 2024**

Địa phương	Số DN có nhu cầu tuyển	Nhu cầu tuyển dụng	Tên nghề nghiệp	Mã nghề	Số lượng theo nghề
Tam Kỳ	50	3.472	Công nhân may	001	500
Hội An	306	656	Hướng dẫn viên du lịch	002	120
Điện Bàn	50	3.109	Công nhân cơ khí	003	800
Núi Thành	105	1.621	Kỹ sư điện	004	300
Đại Lộc	8	221	Nhân viên bán hàng	005	150
Thăng Bình	59	677	Kế toán	006	200
Quế Sơn	3	912	Lái xe	007	70
Phú Ninh	6	499	Nhân viên IT	008	100
Tiên Phước	14	732	Bảo vệ	009	80

Hiệp Đức	4	15	Nhân viên nông nghiệp	010	20
Phước Sơn	7	101	Công nhân mỏ	011	10
Nam Trà My	0	0	Nghề mộc	012	5
Nông Sơn	0	0	Thợ xây	013	2
Đông Giang	1	10	Làm vườn	014	1
Tây Giang	4	17	Thợ điện	015	4
<b>Tổng</b>	<b>617</b>	<b>12.042</b>	<b>Tổng hợp các nghề</b>	<b>999</b>	<b>2.362</b>

*Tổng hợp*

Bảng số liệu trên cho thấy:

- Số doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng và tổng nhu cầu tuyển dụng: Tổng cộng có 617 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng với tổng số 12.042 lao động cần tuyển. Đây là một chỉ số phản ánh nhu cầu lớn về lao động trong khu vực, đặc biệt tại các ngành công nghiệp, dịch vụ, và du lịch.

- Địa phương có nhu cầu tuyển dụng cao nhất:

Tam Kỳ là địa phương có số lượng doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng nhiều nhất (50 doanh nghiệp) và tổng nhu cầu tuyển dụng cao nhất (3.472 lao động), chủ yếu trong ngành công nghiệp như công nhân may (500 người).

Điện Bàn và Núi Thành cũng có nhu cầu tuyển dụng cao với 3.109 lao động (công nhân cơ khí) và 1.621 lao động (kỹ sư điện), phản ánh sự phát triển mạnh mẽ của các ngành công nghiệp tại các khu vực này.

### 3.2. Thực trạng đào tạo nghề gắn đáp ứng nhu cầu tại Trường Cao đẳng Quảng Nam

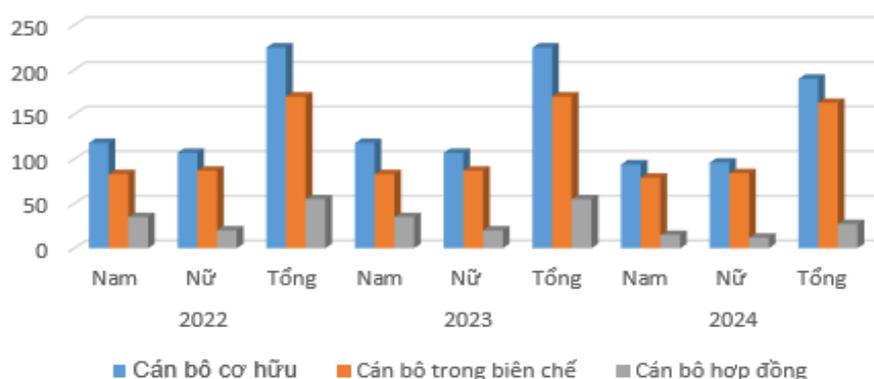
#### 3.2.1. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của nhà trường

**Bảng 2.** Số lượng CB, GV, NV nhà trường các năm 2022, 2023, 2024

ST T	Phân loại	2022			2023			2024		
		Na m	Nữ	Tổng	Nam	Nữ	Tổng	Nam	Nữ	Tổng
1	Cán bộ cơ hữu	118	107	<b>225</b>	118	107	<b>225</b>	94	96	<b>190</b>
2	Cán bộ biên chế	83	87	<b>170</b>	83	87	<b>170</b>	79	84	<b>163</b>
3	Cán bộ hợp đồng	35	20	<b>55</b>	35	20	<b>55</b>	15	12	<b>27</b>

*Nguồn: Trích báo cáo Tự đánh giá CLCSGSNN của Trường*

**Số lượng CB, GV, NV nhà trường các năm 2022, 2023, 2024**



**Đồ thị 1. Số lượng CB, GV, NLD các năm 2022, 2023, 2024**

### 3.2.2. Thống kê đội ngũ công chức, viên chức, người lao động toàn trường

Qua hơn 3 năm hoạt động, nhà trường đã đào tạo 9.417 HSSV và người học, trong đó trình độ cao đẳng và trung cấp chiếm 68,86%, góp phần đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực có chất lượng cho tỉnh nhà và các tỉnh lân cận, cụ thể:

**Bảng 3. Quy mô đào tạo nghề qua các năm của Trường Cao đẳng Quảng Nam**

TT	HỆ ĐÀO TẠO	Quy mô đào tạo nghề qua các năm				Tổng cộng	
		2021	2022	2023	2024	Số lượng	Cơ cấu (%)
1	Cao đẳng	252	257	239	283	1.031	10,95
3	Trung cấp	1.632	1.269	1.218	1.334	5.453	57,91
4	Sơ cấp	467	650	215	404	1.736	18,43
5	Ngắn hạn	26	93	524	554	1.197	12,71
<b>TỔNG CỘNG:</b>		<b>2.377</b>	<b>2.269</b>	<b>2.196</b>	<b>2.575</b>	<b>9.417</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: Trích báo cáo Tự đánh giá CLCSGSNN của Trường

Kết quả tổng hợp trên cho thấy:

- Hệ Trung cấp chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 57,91% trong tổng quy mô đào tạo.
- Hệ Ngắn hạn mặc dù số lượng thấp hơn nhưng có sự tăng trưởng đáng kể vào năm 2023 và 2024.
- Hệ Sơ cấp và Cao đẳng có quy mô tương đối ổn định qua các năm.



Đồ thị 2. Quy mô đào tạo nghề qua các năm 2022, 2023, 2024

### 3.2.3. Tổng hợp kết quả khảo sát việc làm của HSSV sau tốt nghiệp Trường Cao đẳng Quảng Nam

Bảng 4. Tổng hợp kết quả khảo sát việc làm HSSV sau tốt nghiệp

Nội dung	Năm 2021-2022				Năm 2022-2023				Năm 2023-2024			
	Đã có việc làm	Vừa làm, vừa học	Chưa có việc làm	Tổng số	Đã có việc làm	Vừa làm, vừa học	Chưa có việc làm	Tổng số	Đã có việc làm	Vừa làm, vừa học	Chưa có việc làm	Tổng số
Số lượng	65	22	5	92	550	40	18	608	395	25	16	436
Tỷ lệ (%)	70,7%	23,9%	5,4%	100%	90,5%	6,6%	3,0%	100%	90,6%	5,7%	3,7%	100%

Nguồn: Trích báo cáo Tự đánh giá CLCSGSNN của Trường

Bảng số liệu trên cho thấy:

#### a. Đã có việc làm

Tăng trưởng vượt bậc từ 94,6% (87 HSSV) năm 2021-2022 lên 97,1% (590 HSSV) năm 2022-2023, lên 96,3% (420 HSSV)

Đây là giai đoạn tích cực, cho thấy các chương trình đào tạo phù hợp hơn với nhu cầu lao động.

#### b. Chưa có việc làm

Giảm mạnh từ 5,4% xuống 3% năm 2022-2023, và 3,7% năm 2023-2024.

Tăng tỷ lệ việc làm và vừa học vừa làm sẽ giúp giảm bớt tỷ lệ này.

**Bảng 5.** Phân tích ma trận SWOT về thực trạng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm tại Trường Cao đẳng Quảng Nam

STT	Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)
1	Cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo: Trang thiết bị nhà trường dần được bổ sung mua sắm theo quy định các TT của Bộ LĐTB&XH về Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu ngành nghề trang bị cho các xưởng, phòng thực hành các nghề: Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp, Quản trị khách sạn, Kỹ thuật chế biến món ăn, Kỹ thuật pha chế đồ uống, Chăn nuôi thú y, Lâm nghiệp...;	Đào tạo ngành nghề: Hiện trường có 124 ngành nghề đào tạo cơ bản đáp ứng nhu cầu hiện tại tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng xu hướng mới trong tương lai như: công nghệ thông tin, logistics, trí tuệ nhân tạo, công nghệ bán dẫn...
2	Chương trình đào tạo: được rà soát, chọn giảng dạy từ các cơ sở trước khi sáp nhập, hàng năm nhà trường không ngừng hoàn chỉnh biên soạn chương trình, giáo trình lưu hành nội bộ đảm bảo tính thực tiễn và cập nhật theo xu hướng công nghệ 4.0, lấy ý kiến góp ý từ các doanh nghiệp liên kết đào tạo với nhà trường.	Hỗ trợ sau tốt nghiệp: Chưa có hệ thống liên lạc, hỗ trợ cựu SV và xây dựng mạng lưới hỗ trợ việc làm hoặc hợp tác nghề nghiệp chưa thật sự hiệu quả cho các trường trước khi sáp nhập...đối với cựu SV của nhà trường đã tốt nghiệp từ khi sáp nhập đến nay nhà trường vẫn giữ được mối liên hệ của các em đảm bảo trong việc khảo sát lần vết HSSV sau tốt nghiệp.
3	Thành tích thi đua: Trường dẫn đầu khối thi đua các trường cao đẳng khu vực 3 năm liên tiếp, nâng cao uy tín, hình ảnh và chất lượng đào tạo. Nhà trường đã đạt được chứng nhận Kiểm định ngoài chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	Hợp tác quốc tế: Còn khá ít chương trình liên kết quốc tế và trao đổi kinh nghiệm, chưa tận dụng nguồn tài liệu và công nghệ đào tạo tiên tiến từ đối tác nước ngoài.
	Cơ hội (O)	Thách thức (T)
1	Nhu cầu nhân lực: Quảng Nam cần nhân lực lớn trong các ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch, tạo cơ hội mở rộng đào tạo theo nhu cầu địa phương.	Cạnh tranh khu vực và quốc tế: Các trường cao đẳng, đại học khác trong khu vực và quốc tế có chiến lược quảng bá mạnh và ngành nghề đa dạng hơn, tăng áp lực cạnh tranh.

2	Hỗ trợ từ chính phủ: Chính sách ưu tiên GDNN giúp tiếp cận nguồn tài chính, hỗ trợ đào tạo. Các dự án kinh tế trọng điểm yêu cầu hợp tác với cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025;...	Biến động thị trường: Thị trường lao động thay đổi nhanh chóng đòi hỏi đổi mới liên tục chương trình đào tạo, gây áp lực lớn.
3	Tăng nhu cầu học tập: Dân số miền Trung-Tây Nguyên gia tăng nhu cầu học tập nghề, mở rộng tiềm năng tuyển sinh.	Hạn chế trong nguồn lực đầu tư: Nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng cập nhật công nghệ mới và triển khai các chương trình đào tạo chất lượng cao.

*Nguồn: Phân tích nhóm tác giả*

#### **4. Một số giải pháp chiến lược cho đào tạo nghề Trường Cao đẳng Quảng Nam nói riêng và các cơ sở đào tạo nghề nói chung**

##### **4.1. Đề xuất chính sách và giải pháp cho đào tạo nghề thông qua nghiên cứu thực trạng**

Để đáp ứng nhu cầu lao động ngày càng cao và sự phát triển bền vững của tỉnh Quảng Nam, việc xây dựng một hệ thống đào tạo nghề phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động là rất quan trọng. Dưới đây là một số đề xuất chính sách và giải pháp cho đào tạo nghề của Trường Cao đẳng Quảng Nam nói riêng, các cơ sở đào tạo nghề nói chung

##### **4.1.1. Đổi mới và phát triển chương trình đào tạo nghề**

\* Cập nhật chương trình đào tạo theo xu hướng công nghệ mới: Các trường nghề và cơ sở giáo dục cần cập nhật và đổi mới chương trình đào tạo để đáp ứng các xu hướng phát triển mới như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, logistics, và năng lượng tái tạo.

\* Đào tạo theo nhu cầu thị trường: Thực hiện khảo sát định kỳ với các doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu lao động, từ đó điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp. Tạo ra các chương trình đào tạo đặc thù cho các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh như du lịch, chế biến thực phẩm, và công nghiệp chế tạo.

\* Thiết lập mạng lưới liên kết ngành: Xây dựng hệ thống doanh nghiệp đối tác chuyên biệt theo ngành nghề để đảm bảo các cơ hội việc làm phù hợp với kỹ năng đào tạo.

Nhà trường đã phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm Quảng Nam tổ chức Ngày Hội việc làm HSSV và người lao động với sự tham gia của các nhà tuyển dụng uy tín, phối hợp với công ty Hải Phong đem đến cho các bạn SV Cao đẳng Quảng Nam có cơ hội học tập

và làm việc tại Nhật Bản trong chương trình đặc biệt: Chương trình trải nghiệm làm việc trong vòng 12 tháng tại xứ sở hoa anh đào hoàn toàn miễn phí.

\* Chương trình tuyển dụng theo đơn đặt hàng: Phát triển mô hình doanh nghiệp đặt hàng đào tạo, cam kết tuyển dụng SV ngay sau khi hoàn thành chương trình học.

The image contains two promotional posters. The left poster is titled 'NGÀY HỘI VIỆC LÀM' (Job Fair Day) for 'HỌC SINH - SINH VIÊN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2023' (Students, Graduates, and Workers in 2023). It is held on May 31, 2023, at Quang Nam University. It features logos of various companies including KIPPY TERAMA, HOA PHAT, THACO, CCL, ANT, FutureLang, GERMITON, and OPT. The right poster is titled 'CHƯƠNG TRÌNH TRẢI NGHIỆM 12 THÁNG TẠI NHẬT BẢN' (12-month internship in Japan) with 'VỚI CHI PHÍ 0 ĐỒNG' (with 0 VND cost). It lists benefits: Japanese language training, company stipends, 200-250 million VND/year income, Japanese language levels N3, N2, N1, housing and utilities, and health insurance. Contact information for HAI PHONG JSC - Miền Trung is provided with a fanpage and hotline number 0985.670.755.

**Hình 1.** Ngày hội việc làm và chương trình trải nghiệm 12 tháng tại Nhật Bản với chi phí 0 đ

Ví dụ: Trường Cao đẳng Quảng Nam và Công ty Cổ phần GREENFEED Việt Nam đã rất thành công trong việc hợp tác Liên kết đào tạo, bằng chứng là 5 khóa lớp Hạt giống tài năng được thành lập và đào tạo liên tục từ năm 2020 đến nay, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường gắn với nhu cầu của doanh nghiệp. Tính đến nay, Chương trình Liên kết này đã đào tạo hàng trăm SV tốt nghiệp chất lượng cao đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần GREENFEED Việt Nam, giải quyết đầu ra cho SV tốt nghiệp của nhà trường [6].



**Hình 2.** Lớp Hạt giống tài năng 5

\* Tổ chức tham quan doanh nghiệp: Định kỳ tổ chức các chuyến tham quan, thực tập tại doanh nghiệp để SV tiếp cận môi trường làm việc thực tế và tăng khả năng kết nối tuyển dụng [7].

\* Tạo mô hình đào tạo linh hoạt: Phát triển mô hình đào tạo nghề kết hợp giữa lý thuyết và thực hành ngay tại doanh nghiệp (work-based learning), đồng thời triển khai các khóa học trực tuyến và đào tạo từ xa để SV có thể học tập linh hoạt, giảm bớt rào cản về thời gian và địa lý.



**Hình 3.** Trường Cao đẳng Quảng Nam đến thăm trang trại Công ty GREENFED

#### 4.1.2. Tăng cường hợp tác với các trường, doanh nghiệp trong nước và quốc tế

\* Mở rộng hợp tác với các trường, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh: Các cơ sở đào tạo nghề cần duy trì và mở rộng mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ để đảm bảo SV có cơ hội thực tập, học hỏi và tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp. Cần tạo ra các mô hình đào tạo đặt hàng, doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng chương trình đào tạo.



\* Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo: Tạo cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, giúp họ nhận thấy lợi ích khi đầu tư vào đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao.

\* Tăng cường hợp tác quốc tế: Mở rộng các chương trình hợp tác với các tổ chức giáo dục quốc tế để tiếp cận những phương pháp giảng dạy tiên tiến và công nghệ đào tạo hiện đại. Đồng thời, triển khai các chương trình trao đổi SV và giảng viên để nâng cao chất lượng đào tạo.



#### 4.1.3. Đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển đội ngũ nhà giáo

\* Đầu tư trang thiết bị và cơ sở vật chất: Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất tại các trường nghề, đặc biệt là trang thiết bị phục vụ giảng dạy các ngành nghề công nghệ cao, tự động hóa và công nghệ thông tin. Điều này giúp HSSV được học tập trong môi trường hiện đại, đáp ứng yêu cầu thực tế của doanh nghiệp.

\* Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo: Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, đặc biệt là đối với các giảng viên giảng dạy các ngành công nghệ mới và các lĩnh vực đang thiếu hụt lao động. Cần đẩy mạnh đào tạo giáo viên nghề nghiệp có khả năng giảng dạy và chuyển giao công nghệ cho SV.

#### 4.1.4. Tạo lập hệ thống hỗ trợ việc làm sau đào tạo

\* Xây dựng mạng lưới kết nối việc làm: Thiết lập hệ thống kết nối giữa các trường đào tạo nghề, cựu SV và doanh nghiệp để hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp. Đây sẽ là một nền tảng trực tuyến giúp SV tìm kiếm việc làm phù hợp với chuyên môn.

\* Chương trình hỗ trợ khởi nghiệp: Cung cấp các chương trình tư vấn và hỗ trợ khởi nghiệp cho SV, khuyến khích sinh viên khởi nghiệp trong các lĩnh vực đang phát triển như công nghệ, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao.

\* Xây dựng trung tâm việc làm: Phát triển một trung tâm tư vấn và hỗ trợ việc làm trực thuộc nhà trường, cung cấp thông tin việc làm kịp thời và phù hợp.

\* Tạo hồ sơ năng lực: Hỗ trợ SV xây dựng hồ sơ cá nhân (CV, Portfolio) chuyên nghiệp, giúp họ nổi bật khi ứng tuyển.

\* Kết nối với cựu SV: Tận dụng mạng lưới cựu SV để hỗ trợ chia sẻ kinh nghiệm và giới thiệu cơ hội việc làm.

#### **4.1.5. Chính sách ưu đãi và hỗ trợ tài chính cho HSSV**

\* Chính sách học bổng và vay vốn ưu đãi: Cần triển khai các chính sách học bổng, vay vốn ưu đãi cho SV có hoàn cảnh khó khăn nhưng có nhu cầu học nghề, đặc biệt trong các ngành có nhu cầu lao động cao. Đồng thời, các doanh nghiệp cần được khuyến khích tham gia tài trợ học bổng cho SV theo học các ngành nghề mà họ đang có nhu cầu tuyển dụng.

\* Hỗ trợ học phí cho SV vừa học vừa làm: Tạo điều kiện cho SV có thể vừa học vừa làm thông qua các chính sách hỗ trợ học phí hoặc chương trình đào tạo linh hoạt. Điều này không chỉ giúp sinh viên trang trải chi phí học tập mà còn giúp họ tích lũy kinh nghiệm thực tiễn từ công việc.

### **4.2. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hoạt động tuyển sinh các ngành gắn với giải quyết việc làm cho HSSV hiện nay**

#### **4.2.1. Tăng cường truyền thông tuyển sinh đa kênh**

\* Đẩy mạnh truyền thông qua mạng xã hội (Facebook, TikTok, Zalo,...) phát hành video phỏng vấn cựu học sinh thành đạt.

\* Tổ chức các chương trình “Hành trình hướng nghiệp” tại trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông (THCS, THPT).

\* Phối hợp các đài truyền hình, báo chí tình để quảng bá hình ảnh trường gắn với câu chuyện việc làm.

#### **4.2.2. Tuyển sinh dựa trên cam kết việc làm**

\* Xây dựng mô hình tuyển sinh "có việc làm ngay sau tốt nghiệp" với hợp đồng 3 bên: nhà trường-học sinh-doanh nghiệp.

\* Thí điểm mô hình “đào tạo theo đơn đặt hàng doanh nghiệp” ở các ngành kỹ thuật, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến thực phẩm.

#### **4.2.3. Phát triển chính sách học bổng và học phí linh hoạt**

\* Cấp học bổng khuyến khích học sinh học nghề (đặc biệt là học sinh tốt nghiệp THCS).

\* Hỗ trợ chi phí ký túc xá, đồng phục, tài liệu học tập.

\* Học phí chia theo giai đoạn học/miễn phí giai đoạn đầu để khuyến khích đăng ký.

#### 4.2.4. Mở rộng mô hình đào tạo tích hợp-vừa học vừa làm

\* Ký hợp đồng hợp tác đào tạo HSSV làm thêm tại doanh nghiệp trong quá trình học.

\* Triển khai mô hình “Co-op” – HSSV học xen kẽ với kỳ thực tập hưởng lương dài hạn tại doanh nghiệp.

#### 4.2.5. Tư vấn hướng nghiệp sớm-theo sát từ THCS

\* Phối hợp Phòng GD&ĐT, các trường THCS để tư vấn hướng nghiệp ngay từ lớp 8, lớp 9.

\* Mời học sinh đến trải nghiệm thực tế các xưởng thực hành, lớp học nghề, phòng vấn cựu học viên thành công.

#### 4.2.6. Đa dạng hóa đối tượng tuyển sinh

\* Mở rộng đối tượng tuyển sinh: người lao động muốn chuyển nghề, bộ đội xuất ngũ, sinh viên bỏ dở đại học...

\* Tuyển sinh song bằng (kết hợp trung học và trung cấp), đào tạo nghề cho học sinh khuyết tật, người dân tộc thiểu số.

### 4.3. Đề xuất các giải pháp chiến lược ST, SO, WO, WT từ phân tích ma trận SWOT

**Bảng 6. Xây dựng các Chiến lược ST, SO, WO, WT**

STT	Chiến lược SO	Giải pháp cụ thể
1	Mở rộng đào tạo ngành nghề mới	- Tận dụng mối quan hệ với các doanh nghiệp để thiết kế chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu mới như công nghệ thông tin, logistics, trí tuệ nhân tạo.
		- Phát triển các ngành nghề mới như công nghệ bán dẫn, điện toán đám mây, phân tích dữ liệu để đáp ứng xu hướng của thị trường.
2	Phát triển các chương trình đào tạo đặc thù cho khu vực miền Trung	- Tăng cường đào tạo các ngành nghề như du lịch, công nghiệp, dịch vụ theo nhu cầu phát triển kinh tế địa phương.
		- Xây dựng các chương trình đào tạo gắn liền với các dự án phát triển khu vực như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, du lịch bền vững.

3	Mở rộng hợp tác quốc tế	- Kết nối với các trường quốc tế để triển khai các chương trình trao đổi SV, giảng viên và chia sẻ công nghệ tiên tiến trong đào tạo nghề; cấp chứng chỉ nghề nghiệp có giá trị quốc tế cho SV.
		- Tổ chức các hội thảo quốc tế về giáo dục nghề nghiệp để trao đổi kinh nghiệm, cập nhật xu hướng đào tạo và công nghệ mới trong giảng dạy nghề.
	<b>Chiến lược ST</b>	<b>Giải pháp cụ thể</b>
1	Tăng cường quảng bá chương trình đào tạo	- Sử dụng thành tích thi đua và mối quan hệ với các doanh nghiệp lớn để xây dựng chiến lược marketing mạnh mẽ, thu hút SV và đối tác.
		- Tạo các chiến dịch quảng bá qua các phương tiện truyền thông và tổ chức các buổi hội thảo, sự kiện để nâng cao nhận thức cộng đồng về chất lượng đào tạo.
2	Đổi mới chương trình đào tạo	- Cập nhật chương trình giảng dạy liên tục, kết hợp với công nghệ mới như AI, tự động hóa, giúp SV đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường lao động; Đưa các môn học mới vào chương trình đào tạo, bao gồm các lĩnh vực: phân tích dữ liệu, kỹ thuật số và tự động hóa.
		- Xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn theo xu hướng phát triển nghề nghiệp, nhằm cung cấp kỹ năng phù hợp với nhu cầu thay đổi nhanh chóng của thị trường.
3	Hợp tác với các trường quốc tế	- Tăng cường hợp tác với các trường quốc tế để học hỏi và áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, đồng thời tạo ra môi trường học tập quốc tế cho SV.
		- Phát triển các chương trình trao đổi SV và giảng viên giữa trường và các trường quốc tế, giúp SV trải nghiệm môi trường học tập quốc tế; Tạo cơ hội cho SV tham gia các khóa học, hội thảo quốc tế để học hỏi về những kỹ năng mới và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.
	<b>Chiến lược WO</b>	<b>Giải pháp cụ thể</b>
1	Đổi mới chương trình đào tạo	- Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển các chương trình đào tạo ngành nghề mới như công nghệ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, kết hợp với sự hỗ trợ của chính phủ.
		- Xây dựng chương trình đào tạo tập trung vào các ngành nghề hiện đang thiếu hụt nhân lực, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

		- Tổ chức các buổi tham vấn và khảo sát với các doanh nghiệp trong ngành để cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo kịp thời.
2	Xây dựng hệ thống hỗ trợ cựu SV	- Thiết lập mạng lưới kết nối với cựu SV để theo dõi và hỗ trợ việc làm sau tốt nghiệp, đồng thời tạo ra cơ hội hợp tác nghề nghiệp lâu dài. - Xây dựng một hệ thống trực tuyến cho phép cựu SV và SV kết nối, chia sẻ cơ hội nghề nghiệp và thông tin việc làm.
3	Phát triển các ngành nghề đặc thù cho khu vực	- Tập trung đào tạo các ngành đặc thù của khu vực như du lịch, dịch vụ, khai thác tài nguyên địa phương, và làm việc với các doanh nghiệp địa phương. - Cải tiến chương trình đào tạo nghề truyền thống kết hợp với công nghệ, nhằm tạo ra đội ngũ lao động có thể đáp ứng yêu cầu phát triển khu vực.
	<b>Chiến lược WT</b>	<b>Giải pháp cụ thể</b>
1	Đổi mới mô hình đào tạo để giảm thiểu tác động từ tự động hóa và AI	- Cập nhật chương trình đào tạo, bổ sung các kỹ năng về tự động hóa và AI cho SV, tăng cường việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy. - Tổ chức các khóa học ngắn hạn giúp SV nâng cao kỹ năng lập trình, kỹ thuật số và làm việc với các công nghệ tự động.
2	Mở rộng hợp tác quốc tế và nâng cao chất lượng đào tạo	- Tăng cường hợp tác với các trường quốc tế, áp dụng chương trình học tiên tiến, giúp SV có cơ hội phát triển kỹ năng toàn cầu. - Mở rộng các chương trình hợp tác quốc tế để chia sẻ công nghệ đào tạo tiên tiến và chuẩn hóa chương trình giảng dạy tại trường.
3	Chương trình đào tạo linh hoạt, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động	- Tăng cường tổ chức các khóa học ngắn hạn, đào tạo theo nhu cầu thị trường và hỗ trợ SV có thể vừa học vừa làm, giúp họ dễ dàng thích ứng với thị trường lao động. - Tổ chức các khóa học trực tuyến hoặc học từ xa cho SV, giúp họ có thể tiếp cận kiến thức mới bất cứ khi nào họ cần.

*Nguồn: Phân tích nhóm tác giả*

## 5. Kết luận

Nghiên cứu “Thực trạng và giải pháp đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên Khối Giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp nghiên cứu tại Trường Cao đẳng Quảng Nam”. Qua phân tích thực trạng, chính sách và giải pháp, nghiên cứu xác định rằng việc kết nối chặt chẽ giữa đào tạo nghề và nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp là yếu tố quyết định đối với sự thành công của mô hình đào tạo nghề gắn với việc làm.

Trường Cao đẳng Quảng Nam đã có những bước đi đáng kể trong việc cải tiến chương trình đào tạo, mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức quốc tế, qua đó cung cấp cho SV những kỹ năng nghề nghiệp thiết thực và đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường lao động. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, đặc biệt là việc chưa đáp ứng đầy đủ xu hướng ngành nghề mới như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và logistics, dẫn đến một số sinh viên khó tìm được việc làm ngay sau khi tốt nghiệp. Để giải quyết vấn đề này, một số chiến lược quan trọng được đề xuất như sau: Tăng cường hợp tác doanh nghiệp; đổi mới chương trình đào tạo; xây dựng hệ thống hỗ trợ việc làm; phát triển mô hình đào tạo linh hoạt; tăng cường hợp tác quốc tế... Thông qua các giải pháp chiến lược này, Trường Cao đẳng Quảng Nam sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, góp phần giải quyết nhu cầu lao động tại tỉnh Quảng Nam nói riêng cũng như khu vực miền Trung nói chung. Đồng thời giúp HSSV có cơ hội nghề nghiệp vững chắc sau khi tốt nghiệp. Các giải pháp này không chỉ phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, mà còn đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, giúp đào tạo nghề thực sự gắn kết với nhu cầu việc làm bền vững trong tương lai không chỉ cho Trường Cao đẳng Quảng Nam mà cho các cơ sở đào tạo nghề hiện nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Quảng Nam các năm 2022, 2023, 2024.
- [2]. Chính phủ (2024), Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về “*Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*”.
- [3]. HĐND tỉnh Quảng Nam (2022), Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 về *Phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025*.
- [4]. <https://baoquangnam.vn/ty-le-lao-dong-quang-nam-qua-dao-tao-nghe-dat-72-3132153.html>
- [5]. [https://tapchilaodongxahoi.vn/quang-nam-day-manh-cong-tac-lao-dong-viec-lam-va-giao-duc-nghe-nghiep-1330411.html?utm\\_source=chatgpt.com](https://tapchilaodongxahoi.vn/quang-nam-day-manh-cong-tac-lao-dong-viec-lam-va-giao-duc-nghe-nghiep-1330411.html?utm_source=chatgpt.com).
- [6]. [https://m.tapchilaodongxahoi.vn/greenfeed-dong-hanh-cung-truong-cao-dang-quang-nam-uom-mam-hat-giong-tai-nang-nganh-chan-nuoi-thu-y-1332788.html?zarsrc=31&utm\\_source=zalo&utm\\_medium=zalo&utm\\_campaign=zalo&fbclid=IwY2xjawJ0QjZleHRuA2F1bQIxMQBicmlkETFvTFc5VmJFc2M5enk0SU](https://m.tapchilaodongxahoi.vn/greenfeed-dong-hanh-cung-truong-cao-dang-quang-nam-uom-mam-hat-giong-tai-nang-nganh-chan-nuoi-thu-y-1332788.html?zarsrc=31&utm_source=zalo&utm_medium=zalo&utm_campaign=zalo&fbclid=IwY2xjawJ0QjZleHRuA2F1bQIxMQBicmlkETFvTFc5VmJFc2M5enk0SU)

[laAR6ahG4LZ3uWDoakCyYw1Uu-EjTUcsNXkFZgQZPJC8Cf3o6H0Hsir9kjKoZR0g\\_aem\\_PGNgqLQnaLGkbpUX2JH7Ag](https://tapchivietduc.vn/nha-truong-va-doanh-nghiep-tang-cuong-hop-tac-trong-tuyen-sinh-lien-ket-dao-tao-va-tuyen-dung-a22872.html?zarsrc=30&utm_source=zalo&utm_medium=zalo&utm_campaign=zalo&fbclid=IwY2xjawJ0QzhleHRuA2FlbQIxMQBicmlkETFvTFc5VmJFc2M5enk0SUIaAR5s9nbXy25-XUov0jaATAMz787WzG3Frz8zIy9-7ADXDgQxb2WRx6h-xGrr5A_aem_XEqbSzkzMcckxZg6AIPfnsg)

- [7]. [https://tapchivietduc.vn/nha-truong-va-doanh-nghiep-tang-cuong-hop-tac-trong-tuyen-sinh-lien-ket-dao-tao-va-tuyen-dung-a22872.html?zarsrc=30&utm\\_source=zalo&utm\\_medium=zalo&utm\\_campaign=zalo&fbclid=IwY2xjawJ0QzhleHRuA2FlbQIxMQBicmlkETFvTFc5VmJFc2M5enk0SUIaAR5s9nbXy25-XUov0jaATAMz787WzG3Frz8zIy9-7ADXDgQxb2WRx6h-xGrr5A\\_aem\\_XEqbSzkzMcckxZg6AIPfnsg](https://tapchivietduc.vn/nha-truong-va-doanh-nghiep-tang-cuong-hop-tac-trong-tuyen-sinh-lien-ket-dao-tao-va-tuyen-dung-a22872.html?zarsrc=30&utm_source=zalo&utm_medium=zalo&utm_campaign=zalo&fbclid=IwY2xjawJ0QzhleHRuA2FlbQIxMQBicmlkETFvTFc5VmJFc2M5enk0SUIaAR5s9nbXy25-XUov0jaATAMz787WzG3Frz8zIy9-7ADXDgQxb2WRx6h-xGrr5A_aem_XEqbSzkzMcckxZg6AIPfnsg)
- [8]. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, (2024) *Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

**THE CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS FOR VOCATIONAL TRAINING ASSOCIATED WITH EMPLOYMENT FOR STUDENTS IN THE VOCATIONAL EDUCATION SECTOR: A CASE STUDY AT QUANG NAM COLLEGE**

*Vu Thi Phuong Anh<sup>1</sup>, Pham Hai Anh<sup>1</sup>, Phan Dinh Hung<sup>1</sup>, Phan Vu Phuong Mai<sup>2</sup>*

**ABSTRACT**

*This study focuses on clarifying the current status of vocational training associated with job placement for students at Quang Nam College-a typical vocational education institution in Central Vietnam. Through surveys and analysis of empirical data, the research identifies several limitations, including weak linkages between the college and enterprises, delays in updating training curricula to align with labor market demands, and ineffective utilization of digital platforms for matching labor supply and demand. Based on these findings, the study proposes solutions to enhance the effectiveness of vocational training in connection with employment outcomes. These include strengthening partnerships with businesses, innovating curriculum content, promoting the application of digital technologies in management and job matching, and improving both professional and soft skills for students. The results provide practical foundations for policy-making, aimed at enhancing the quality of vocational education in line with local socio-economic development needs.*

**Keywords:** *Vocational training; employment; vocational training linked to employment; students, the vocational education and training sector.*



<sup>1</sup>Trường Cao đẳng Quảng Nam, Email: phuonganhdhqn@gmail.com;

<sup>2</sup>Birmingham City University.